

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN SƠN TRÀ
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03** /2025/DS-ST

Ngày 16-01-2025

“V/v Tranh chấp hoạt động
cung ứng dịch vụ thanh toán”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích

Ông Nguyễn Kim Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Ngọc Thảo Nguyễn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:** Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thanh H; chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đ (theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc).

Ông Hoàng Thanh H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn N; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 1125/2025/UQ-CNĐN ngày 01/01/2025); địa chỉ liên hệ: Số A B, quận H, thành phố Đà Nẵng (Ông N có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Loan T, sinh năm 1997

Địa chỉ: K T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ngân hàng TMCP S (S1) - Chi nhánh Đ có ký hợp đồng với bà Trần Thị Loan T, CMND số: 201738765 ngày cấp 27/11/2014 nơi cấp: C; thường trú tại địa chỉ: K T, phường A, quận S, TP Đà Nẵng theo hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 02/11/2017 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2.60%/tháng và lãi suất quá hạn 3.9%/tháng (2.60%×150%).

Đến ngày 31/7/2023, bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 257.749.351 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 265.458.000 đồng. Trong đó: phí trễ hạn 2.480.000 đồng, phí vượt hạn mức 100.000 đồng; phí 957.000 đồng; lãi phát sinh 18.720.242 đồng và thanh toán nợ gốc 243.200.758 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Từ ngày 01/8/2023, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Loan T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/01/2025 là 24.496.920 đồng (*Hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng*). (Trong đó: Dư nợ gốc 14.548.593 đồng, lãi quá hạn 9.948.327 đồng). Bà Trần Thị Loan T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/01/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Đối với bị đơn bà Trần Thị Loan T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt (niêm yết) các văn bản tố hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không có lời khai của bà Trần Thị Loan T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Trần Thị Loan T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Trần Thị Loan T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/01/2025 là 24.496.920 đồng (*Hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng*). (Trong đó: Dư nợ gốc 14.548.593 đồng, lãi quá hạn 9.948.327 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 17/01/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán giữa Ngân hàng TMCP S và bà Trần Thị Loan T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Trần Thị Loan T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Loan T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/11/2017, Trần Thị Loan T có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 257.749.351 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn 3.9%/tháng (2.6% x 150%). Từ khi mở thẻ cho đến nay, bà Trần Thị Loan T đã thanh toán được cho Ngân hàng với tổng số tiền 265.458.000 đồng (Trong đó: phí trễ hạn 2.480.000 đồng, phí vượt hạn mức 100.000 đồng; phí 957.000 đồng; lãi phát sinh 18.720.242 đồng và thanh

toán nợ gốc 243.200.758 đồng). Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

[2.3] Bà Trần Thị Loan T đã thực hiện giao dịch rút tiền trong thẻ tín dụng tuy nhiên lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn là đã vi phạm Điều 2 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, do đó Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Trần Thị Loan T và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là có cơ sở theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Loan T phải thanh toán toàn bộ số tiền là 24.496.920 đồng (*Hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng*). Trong đó dư nợ gốc 14.548.593 đồng và lãi quá hạn 9.948.327 đồng tính đến ngày 16/01/2025, bà T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/01/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP S có căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả là 24.496.920 đồng x 5% = 1.224.846 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280 Bộ luật Dân sự;

Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” của Ngân hàng TMCP S đối với bà Trần Thị Loan T.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị Loan T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 24.496.920 đồng (*Hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng*). (Trong đó: Dư nợ gốc 14.548.593 đồng, lãi quá hạn 9.948.327 đồng tính đến ngày 16/01/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/11/2017.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Loan T phải chịu 1.224.846 đồng (*Một triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 595.170 đồng (*Năm trăm chín mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi đồng*) theo biên lai thu số 0003022 ngày 01/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Vũ